

Số: 03/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày 25 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân Kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách địa phương năm 2021 sang năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X – KỲ HỌP THỨ TƯ (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 1661/TTr-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Bình Dương về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách địa phương năm 2021 sang năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-
HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021 sang năm 2022 cho 29 dự án với tổng số vốn kéo dài là 3.630.000.000.000 đồng (Ba nghìn sáu trăm ba mươi tỷ đồng).

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, chỉ đạo các đơn vị chủ đầu tư giải ngân hết kế hoạch vốn được phép kéo dài trước ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ tư (chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Website, Báo, Đài PT-TH Bình Dương;
- Các phòng thuộc Văn phòng ĐĐBQH và HĐND tỉnh, App;
- Lưu: VT, Tuấn.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Chánh

Phụ lục
DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 SANG NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

		Vốn kéo dài sang năm 2022
	TỔNG CỘNG	3.630.000
A	Ban quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh	118.850
1	Hệ thống thoát nước bên ngoài hàng rào các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	67.000
2	Cải thiện môi trường nước tỉnh Bình Dương	29.700
3	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	22.150
B	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1.179.890
4	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 (đoạn từ ngã ba Tân Thành đến ngã ba Hội Nghĩa)	482.380
5	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường Đài Liệt sĩ Tân Phước Khánh	208.200
6	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 2: Xây dựng cầu vượt sông Đồng Nai	197.420
7	Xây dựng đường và cầu Vàm Tư	82.000
8	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	69.790
9	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	57.600
10	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	48.000
11	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc khu quy hoạch chi tiết 1/500 BVĐK 1500g và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	34.500
C	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	833.100
12	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	295.000
13	Bệnh viện đa khoa 1500 giường	254.500
14	Khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	65.000

15	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu D	60.000
16	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch các Bệnh viện và một số công trình Nhà nước. (gđ 1)	55.000
17	Trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát	48.800
18	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 2	43.000
19	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh	11.800
D	Bệnh viện đa khoa tỉnh	10.000
20	Cải tạo sửa chữa mở rộng khu mổ, X quang, khoa nhi, nhánh A, nhánh B của Bệnh viện đa khoa tỉnh	10.000
E	Đài Phát thanh và Truyền hình	13.000
21	Trụ sở làm việc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương tại TP. TDM	13.000
G	Sở Lao động Thương binh Xã hội	50.000
22	Mở rộng Trung tâm Giáo dục lao động- Tạo việc làm tỉnh (Mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Dương)	50.000
H	UBND huyện Dầu Tiếng	50.590
23	Xây dựng khu tái định cư và lập phương án di dời các hộ dân đang sinh sống trong rừng phòng hộ Núi Cậu Dầu Tiếng	50.590
I	UBND huyện Phú Giáo	279.070
24	Xây dựng đường từ ngã ba Tam Lập đến Bàu Bàng thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	249.070
25	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Vĩnh Hòa	30.000
K	UBND thành phố Dĩ An	170.000
26	Tuyến đường trục chính Đông Tây: đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K	170.000
L	UBND thành phố Thuận An	925.500
27	Giải phóng mặt bằng Quốc lộ 13 đoạn từ cầu Ông Bó đến nút giao Hữu Nghị	470.000
28	Giải phóng mặt bằng Quốc lộ 13 đoạn từ nút giao Tự Do đến ngã tư Lê Hồng Phong	290.000
29	Bồi thường, giải phóng mặt bằng Trục thoát nước Bung Biệp – Suối Cát (đoạn thuộc thị xã Thuận An)	165.500